

Số: 20 /2024/TT-BTP

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp,

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá theo quy định tại khoản 1 Điều

66 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm a khoản 10 Điều 73 Luật Giá năm 2023 và điểm b khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

2. Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến (sau đây gọi là chi phí đăng thông báo lựa chọn, chi phí thông báo công khai việc đấu giá, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia) theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

1. Người có tài sản đấu giá theo quy định tại khoản 5 Điều 5 của Luật Đấu giá tài sản khi tổ chức đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

2. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 12 Điều 5 của Luật Đấu giá tài sản, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, Hội đồng đấu giá tài sản trong trường hợp cuộc đấu giá do Hội đồng đấu giá tài sản thực hiện.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VỀ GIÁ DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN MÀ PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH PHẢI BÁN THÔNG QUA ĐẤU GIÁ

Điều 3. Cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá

1. Giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá (sau đây gọi là giá dịch vụ đấu giá tài sản) được tính trên một cuộc đấu giá trong trường hợp đấu giá thành tương ứng từng khung giá trị tài sản theo giá khởi điểm theo khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Trường hợp thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36, các điểm a, b, e, i khoản 45, điểm h khoản 46

Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản mà pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá có quy định việc xác định giá dịch vụ đấu giá tài sản đối với tài sản đó thì giá dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá đó.

2. Trường hợp đấu giá thành nhưng người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc nộp tiền không đầy đủ dẫn đến huỷ quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá hoặc hợp đồng mua bán tài sản đấu giá thì người có tài sản đấu giá thanh toán cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản các chi phí đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản đã được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản và giá dịch vụ đấu giá tài sản tương ứng từng khung giá trị tài sản theo giá khởi điểm theo khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành nhưng không vượt quá số tiền đặt cọc của người trúng đấu giá.

3. Giá dịch vụ đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều này chưa bao gồm: thuế giá trị gia tăng và chi phí đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

4. Trường hợp đấu giá không thành thì người có tài sản đấu giá thanh toán cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản các chi phí đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản đã được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản.

5. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, người có tài sản đấu giá thanh toán cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản giá dịch vụ đấu giá tài sản, các chi phí đấu giá quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 4. Quản lý, sử dụng giá dịch vụ đấu giá tài sản

1. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải thực hiện niêm yết giá dịch vụ đấu giá tài sản tại trụ sở của tổ chức mình; chấp hành theo quy định của pháp luật về giá, pháp luật về đấu giá tài sản và văn bản pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản sử dụng hóa đơn cung ứng dịch vụ theo quy định pháp luật về hóa đơn, chứng từ.

Chương III

CHI PHÍ ĐĂNG THÔNG BÁO LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN, CHI PHÍ THÔNG BÁO CÔNG KHAI VIỆC ĐẤU GIÁ TRÊN CỔNG ĐẤU GIÁ TÀI SẢN QUỐC GIA, CHI PHÍ SỬ DỤNG CỔNG ĐẤU GIÁ TÀI SẢN QUỐC GIA ĐỂ ĐẤU GIÁ BẰNG HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN

Điều 5. Nguyên tắc thu, chi đối với khoản thu chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến

1. Tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia có trách nhiệm thu, quản lý và sử dụng các khoản thu chi phí đăng thông báo lựa chọn, chi phí thông báo công khai việc đấu giá, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định tại Thông tư này.

2. Khoản thu chi phí đăng thông báo lựa chọn, chi phí thông báo công khai việc đấu giá, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để phục vụ hoạt động của tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 6. Mức thu chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến

1. Chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản là 300.000 đồng/01 thông báo (Ba trăm nghìn đồng/một thông báo). Một thông báo bao gồm thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và thông báo kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

2. Chi phí đăng thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia là 300.000 đồng/01 thông báo (Ba trăm nghìn đồng/một thông báo). Một thông báo bao gồm thông báo lần một và lần hai trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm a khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thông báo công khai một lần trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều 57 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản thì chi phí là 150.000 đồng/01 thông báo (Một trăm năm mươi nghìn đồng/một thông báo).

3. Chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến là 2.000.000 đồng/01 cuộc đấu giá (Hai triệu đồng/một cuộc đấu giá).

Trường hợp không có người đăng ký tham gia đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia thì chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia là 1.000.000 đồng/01 cuộc đấu giá (Một triệu đồng/một cuộc đấu giá).

4. Chi phí quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này do cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến chi trả và đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 7. Tổ chức thu, nộp chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến

1. Tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia chịu trách nhiệm thu chi phí đăng thông báo lựa chọn, chi phí thông báo công khai việc đấu giá, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia tại Điều 6 Thông tư này. Tài khoản thu của tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia là tài khoản đồng Việt Nam mở tại ngân hàng thương mại.

2. Việc nộp chi phí đăng thông báo lựa chọn, chi phí thông báo công khai việc đấu giá, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này trong thời hạn tối đa là 10 ngày, kể từ ngày thông tin được đăng hợp lệ trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;

b) Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, Hội đồng đấu giá tài sản nộp chi phí đăng thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này trong thời hạn tối đa là 07 ngày, kể từ ngày thông tin được đăng hợp lệ trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;

c) Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, Hội đồng đấu giá tài sản nộp chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này trong thời hạn tối đa là 20 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.

3. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, Hội đồng đấu giá tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều này thỏa thuận với

tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia về việc tự thanh lý hợp đồng sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

4. Hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này mà cơ quan, tổ chức, cá nhân không nộp chi phí thì tài khoản đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, sử dụng Cổng đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó bị chuyển sang trạng thái tạm ngừng hoạt động cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 8. Quản lý, sử dụng khoản thu chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến

1. Nội dung chi:

- a) Quản lý, duy trì, vận hành và phát triển Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- b) Quản lý, giám sát việc đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến;
- c) Hoạt động hướng dẫn, sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- d) Hoạt động liên quan đến công việc tiếp nhận, xử lý thông tin đăng tải trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, đấu giá trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đấu giá tài sản, quản lý dữ liệu về đấu giá viên, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;
- đ) Các nhiệm vụ chi thường xuyên khác liên quan đến việc tổ chức quản lý, duy trì, vận hành và phát triển Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- e) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Việc phân phối kết quả tài chính, trích lập các quỹ thực hiện theo cơ chế tự chủ tuân theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia thực hiện chế độ kế toán, tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm của Cục Bổ trợ tư pháp, tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Cục Bổ trợ tư pháp có trách nhiệm:

- a) Theo dõi, giám sát và quản lý việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- b) Tổng hợp kế hoạch thu, kế hoạch chi hằng năm của tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt theo quy định;

c) Điều chỉnh kế hoạch thu, kế hoạch chi của tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định;

d) Quyết toán thu, chi của tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định.

2. Tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia có trách nhiệm:

a) Thông báo công khai trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia quy trình thu chi phí đăng thông báo lựa chọn, chi phí thông báo công khai việc đấu giá, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia bao gồm cách thức, phương thức, đối tượng và mức thu;

b) Tổ chức thu chi phí đăng thông báo lựa chọn, chi phí thông báo công khai việc đấu giá, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;

c) Quản lý, sử dụng khoản thu theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến có trách nhiệm:

a) Nộp chi phí theo quy định tại Điều 6 và khoản 2 Điều 7 Thông tư này;

b) Thực hiện đúng quy chế hoạt động của Cổng Đấu giá tài sản quốc gia và quy định của pháp luật liên quan.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong thời gian tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia chưa được thành lập, người có tài sản đấu giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, Hội đồng đấu giá tài sản chưa phải nộp chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí đăng thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia.

2. Trường hợp người có tài sản đấu giá và tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì cơ chế, chính sách và việc xác định giá dịch vụ đấu giá tài sản tiếp tục thực hiện theo quy định của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.
2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để xem xét, hướng dẫn. /✓

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Cơ quan Trung ương của các hội, đoàn thể;
- Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục BTTP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Mai Lương Khôi